

35. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2015

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ
TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số: **564** /QĐ-UBND ngày **20** tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Thọ

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
	Toàn tỉnh	626					
I	Thanh Thủy	17					
I	Xã Yên Mao	7					
1	Đình Công Quỳ		1936	x		Khu 1	Mường
2	Đình Xuân Mậu		1958	x		Khu 2	Mường
3	Phùng Bá Thân		1948	x		Khu 3	Mường
4	Nguyễn Văn Thịnh		1956	x		Khu 4	Mường
5	Đình Công Thực		1965	x		Khu 5	Mường
6	Phạm Quang Trung		1979	x		Khu 6	Mường
7	Đình Công Trân		1964	x		Khu 14	Mường
2	Xã Phụng Mao	10					
1	Bùi Văn Kế		1942	x		Khu 1	Mường
2	Phùng Thị Dũng		1955		x	Khu 2	Mường
3	Đình Xuân Tình		1958	x		Khu 2	Mường
4	Bùi Mạnh Hùng		1984	x		Khu 4	Mường
5	Đình Minh Sang		1942	x		Khu 5	Mường
6	Trần Văn Xuân		1951	x		Khu 6	Kinh
7	Đình Thị Hồng		1956		x	Khu 7	Mường
8	Đình Tiến Quy		1958	x		Khu 8	Mường
9	Đình Quang Ninh		1969	x		Khu 9	Mường
10	Lỗ Trọng Liên		1937	x		Khu 10	Mường
II	Đoan Hùng	11					
I	Xã Ngọc Quan	1					
1	Sầm Xuân Sinh		1930	x		Khu 13	Cao Lan
2	Xã Yên Kiện	3					
1	Hoàng Ngọc Thu		1935	x		Thôn 5	Cao Lan
2	Hoàng Văn Nhật		1954	x		Thôn 1	Cao Lan
3	Sầm Ngọc Cảnh		1961	x		Thôn 8	Cao Lan
3	Xã Minh Phú	1					
1	Lương Sỹ Cẩn		1947	x		Thôn 3	Cao Lan
4	Xã Hùng Long	1					
1	Hà Văn Hải		1953	x		Đồng Bích	Cao Lan
5	Xã Vân Đồn	2					
1	Lý Khắc Dương		1964	x		Thôn 1	Cao Lan
2	Trần Đức Hạnh		1959	x		Thôn 6	Cao Lan
6	Xã Tây Cốc	3					
1	Lâm Văn Đạo		1964	x		Thôn 4	Cao Lan
2	Trần Thường Tín		1948	x		Tân Long	Cao Lan
3	Trần Văn Dự		1940	x		Thôn 7	Cao Lan
III	Yên Lập	206					
I	Xã Mỹ Lung	12					
1	Phụng Sinh Lợi		1971	x		Khu Xuân Thắng	Dao
2	Đình Xuân Quang		1974	x		Khu 1A	Mường
3	Ngọc Sơn Tài		1953	x		Khu 1B	Mường
4	Đình Vinh Quang		1955	x		Khu 2	Mường
5	Nguyễn Văn Chính		1959	x		Khu 3 A	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
6	Hà văn Thanh		1958	x		Khu 3 B	Mường
7	Triệu Văn Mạnh		1960	x		Khu 4	Mường
8	Lê Thành Công		1977	x		Khu 5	Mường
9	Đinh Công Đồng		1949	x		Khu 6	Mường
10	Đinh Khoa Bình		1942	x		Khu 7	Mường
11	Hà Thắng Lợi		1971	x		Khu 8	Mường
12	Sa Đình Thái		1948	x		Khu 9	Mường
2	Xã Mỹ Lương	14					
1	Đinh Công Đỗ		1946	x		Khu Tân bình	Mường
2	Nguyễn Thanh Hương		1946	x		Khu Rừng cao	Mường
3	Đinh Ngọc Quý		1965	x		Khu Đồng an	Mường
4	Đinh Công Vinh		1658	x		Khu Văn Phú	Mường
5	Trần Văn Ngọc		1945	x		Khu Liên an	Mường
6	Nguyễn Huy Khuyến		1940	x		Khu Phú an	Mường
7	Đinh Viết Tựu		1947	x		Khu Xe ngà	Mường
8	Hà Quyết Định		1956	x		Khu Tân tiến	Mường
9	Dương Đức Thọ		1958	x		Khu Xuân thắng	Mường
10	Nguyễn Minh Cát		1951	x		Khu Đồng ve	Mường
11	Hà Sỹ Thọ		1950	x		Khu Xuân Nhật	Mường
12	Đinh Công Lợi		1935	x		Khu Quyết Tiến	Mường
13	Hoàng Đình Nhất		1962	x		Khu Xuân Hà	Mường
14	Đinh Thị Tọa		1960		x	Đại đồng	Mường
3	Xã Lương Sơn	19					
1	Nguyễn Văn Thực		1963	x		Khu Trung Tâm	Mường
2	Hoàng Kim Tòng		1940	x		Khu Xuân Tân	Mường
3	Trần Phúc Lệ		1942	x		Khu Tân Lập	Kinh
4	Hoàng Đại Chiến		1950	x		Khu Xuân Hương	Mường
5	Hà Tiến Lệ		1940	x		Khu Phú Cường	Mường
6	Đinh Văn Dậu		1952	x		Khu Đoàn Kết	Mường
7	Nguyễn Văn Càn		1954	x		Khu Phú Sơn	Mường
8	Nguyễn Hải Nam		1948	x		Khu Tân Hội	Kinh
9	Hoàng Tiến Mùi		1954	x		Khu Hưng Thịnh	Mường
10	Lê Quang Nhiên		1947	x		Khu Phú Thịnh	Mường
11	Nguyễn Đăng Cư		1944	x		Khu Đá Trắng	Mường
12	Nguyễn Văn Nhiêu		1936	x		Khu Đình A	Mường
13	Hà Minh Kho		1946	x		Khu Tân Sơn	Mường
14	Hà Xuân Càn		1945	x		Khu Thành Lập	Mường
15	Trần Văn Thân		1932	x		Khu Xuân Tình	Kinh
16	Lê Sỹ Quý		1945	x		Khu Sơn Tình	Mường
17	Nguyễn Thị Dụ		1942		x	Khu Xuân Thượng	Mường
18	Đinh Thị Đức		1948		x	Khu Ao Bon	Mường
19	Hoàng Văn Hùng		1959	x		Khu Tam Giao	Mường
4	Xã Xuân An	7				7	
1	Đinh Văn Chí		1954	x		Khu Hon 1	Mường
2	Trần Thị Đỗ		1964		x	Khu Hon 2	Mường
3	Hà Thị Duyên		1962		x	Khu Vượng	Mường
4	Đinh Văn Loan		1968	x		Khu Dân	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
5	Đinh Văn Học		1950	x		Khu Thịnh	Mường
6	Hà Minh Chung		1962	x		Khu An Thọ 1	Mường
7	Lưu Văn Thiêm		1941	x		Khu An Thọ 2	Mường
7	Xã Xuân Viên	13					
1	Phùng Xuân Hào		1949	x		Khu Đồng Xuân 1	Mường
2	Đinh Kim Trọng		1944	x		Khu Đồng Xuân 2	Mường
3	Trần Minh Quý		1953	x		Khu Đồng Xuân 3	Mường
4	Đinh Văn Lưu		1944	x		Khu Đồng Xuân 4	Mường
5	Nguyễn Văn Liên		1933	x		Khu Quảng Đông 2	Mường
6	Phùng Ngọc Thêm		1958	x		Khu Quảng Đông 3	Mường
7	Đinh Văn Điền		1929	x		Khu 1 Vải Dạng	Mường
8	Đinh Thị Mùi		1955		x	Khu 2 Vải Dạng	Mường
9	Nguyễn Hữu Trọng		1948	x		Khu 3 Vải Dạng	Mường
10	Nguyễn Hữu Lân		1956	x		Khu 4 Vải Dạng	Mường
11	Đinh Văn Thà		1942	x		Khu 1 Quyết Tiến	Mường
12	Đinh Công Liễu		1925	x		Khu 2 Quyết Tiến	Mường
13	Trần Khắc Đức		1944	x		Khu Quảng Đông 1	Mường
8	Xã Xuân Thủy	12					
1	Đinh Văn Vụ		1949	x		Khu 1	Mường
2	Đinh Văn Sương		1962	x		Khu 2	Mường
3	Nguyễn Thanh Sơn		1945	x		Khu 3	Mường
4	Đinh Hồng Thiện		1951	x		Khu 4	Mường
5	Hà Xuân Sáng		1937	x		Khu 5	Mường
6	Phùng Đức Tinh		1942	x		Khu 6	Mường
7	Phùng Bá Tuấn		1958	x		Khu 7	Mường
8	Đinh Xuân Lộc		1945	x		Khu 8	Mường
9	Đinh Văn Phong		1964	x		Khu 9	Mường
10	Đinh Văn Sự		1968	x		Khu 10	Mường
11	Phùng Bá Sinh		1943	x		Khu 11	Mường
12	Dương Đức Toàn		1953	x		Khu 12	Dao
7	Xã Hưng Long	7					
1	Nguyễn Đức Thìn		1952	x		Khu Đồng Bành	Mường
2	Nguyễn Xuân Nghĩa		1948	x		Khu Thung Bàng	Kinh
3	Đinh Văn Nho		1960	x		Khu Thiện 1	Mường
4	Nguyễn Mạnh Thê		1968	x		Khu Thiện 2	Kinh
5	Nguyễn Hữu Ân		1945	x		Khu Đình Cả	Mường
6	Đỗ Thị Khang		1944		x	Khu Đồng Chung	Mường
7	Nguyễn Hữu Nhân		1949	x		Khu Mè	Mường
8	Xã Nga Hoàng	6					
1	Triệu Đức Quý		1957	x		Khu 1	Dao
2	Triệu Tài Tề		1942	x		Khu 2	Dao
3	Trịnh Văn An		1940	x		Khu 3	Dao
4	Hà Văn Lợi		1954	x		Khu 4	Mường
5	Vũ Đình Thúc		1941	x		Khu 5	Mường
6	Trịnh Văn Lợi		1933	x		Khu 6	Dao
9	Xã Trung Sơn	15					
1	Đinh Công Chính		1959	x		Khu Ngọt	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
2	Đinh Công Tiêu		1957	x		Khu Thới	Mường
3	Nguyễn Đình Tâm		1959	x		Khu Cà	Mường
4	Hà Văn Quyền		1957	x		Khu Dích	Mường
5	Phùng Văn Miến		1953	x		Khu Sắt	Mường
6	Đinh Quang Sướng		1950	x		Khu Nai	Mường
7	Đinh Văn Nghi		1967	x		Khu Dừng	Mường
8	Đinh Văn Tiếp		1956	x		Khu Đàng	Mường
9	Trịnh Tiến Ngân		1944	x		Khu Nhồi	Dao
10	Trịnh Phú Hiệp		1971	x		Khu Bóp	Dao
11	Phùng Sinh Toàn		1955	x		Khu Đồng Măng	Dao
12	Triệu Hữu Viễn		1944	x		Khu Thành Xuân	Dao
13	Phùng Sinh Thịnh		1963	x		Khu Gây	Dao
14	Triệu Hữu Phiến		1937	x		Khu Bằng	Dao
15	Trần Thị Vương		1964		x	Khu Châu Đá	Mường
10	Xã Thượng Long	14					
1	Hà Quốc Tịch		1955	x		Khu Liên Sơn	Mường
2	Dương Văn Du		1930	x		Khu Đồng Hù	Mường
3	Hà Văn Hùng		1954		x	Khu Dân Chủ	Dao
4	Triệu Đức Vượng		1943	x		Khu Gò Thiều	Dao
5	Hoàng Công Tự		1930	x		Khu Móc	Mường
6	Đinh Thị Long		1942		X	Khu Đình	Mường
7	Phạm Văn Bình		1965	x		Khu Đồng Chung	Kinh
8	Hoàng Văn Thiện		1951	x		Khu ẻi Lốc	Mường
9	Hoàng Văn Hòa		1954	x		Khu Gò Vệ	Mường
10	Hoàng Thị Phương		1966		x	Khu Cây	Mường
11	Nguyễn Xuân Thùy		1953	x		Khu Tân Tiến	Mường
12	Dương Trung Kiên		1930	X		Khu Đàng	Mường
13	Dương Quyết Thắng		1952	x		Khu Quán	Mường
14	Hoàng Thị Phẩm		1950		X	Khu Đo	Mường
11	Xã Đồng Thịnh	15					
1	Trần Hữu Phúc		1960	x		Khu Bằng Thung	Kinh
2	Đinh Ngọc Thông		1956	x		Khu Lương Đầu	Mường
3	Hoàng Đĩnh Chiến		1948	x		Khu Thắng Quê	Mường
4	Hoàng Thị Thà		1950		x	Khu Thống Nhất	Mường
5	Triệu Thị Thịnh		1956		x	Khu Minh Tiến	Dao
6	Nguyễn Văn Thường		1964	x		Khu Đồng Bài	Mường
7	Đặng Quý Thoa		1956	x		Khu Tân Lập	Mường
8	Hoàng Văn Tú		1958	x		Khu Đồng Tiến	Mường
9	Hoàng Văn Chân		1932	x		Khu Tân Hoa	Mường
10	Nguyễn Văn Gấm		1960	x		Khu Đồng Chát	Mường
11	Phùng Sinh Liên		1964	x		Khu Lèn	Dao
12	Hà Thị Chí		1956		x	Khu Đồng Dân	Mường
13	Hà Minh Thung		1947	x		Khu Đồng Thanh	Mường
14	Nguyễn Thị Tượng		1956		x	Khu Hạ Bạc	Mường
15	Nguyễn Quang Toán		1942	x		Khu Tâm Bưởi	Mường
12	Xã Phúc Khánh	14					
1	Hà Viết Toán		1937	x		Khu Minh Long	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
2	Hà Văn Trò		1955	x		Khu Minh Chung	Mường
3	Hà Quang Vinh		1938	x		Khu Minh Thượng	Mường
4	Hoàng Văn Thiết		1959	x		Khu Bằng	Mường
5	Đặng Xuân Hạnh		1950	x		Khu Du	Mường
6	Hoàng Minh Thực		1949	x		Khu Quang Trung	Mường
7	Hoàng Văn Luật		1949	x		Khu Cà	Mường
8	Hoàng Mạnh Mua		1939	x		Khu Mát	Mường
9	Phùng Đăng Thìn		1947	x		Khu Minh Tân	Mường
10	Hoàng Văn Phúc		1957	x		Khu Đình	Mường
11	Hoàng Văn Dâm		1948	x		Khu Hầm	Mường
12	Hoàng Đăng Soi		1944	x		Khu Vòng 2	Mường
13	Hoàng Minh Tiến		1966	x		Khu Vòng 1	Mường
14	Hà Kim Cúc		1934	x		Khu Xén	Mường
13	Xã Ngọc Lập	17					
1	Trần Minh Trường		1959	x		Khu Quang Tiến 2	Mường
2	Phùng Thị Thương		1952	x		Khu Thống Nhất 5	Mường
3	Đinh Văn Thanh		1970	x		Khu Thống Nhất 3	Mường
4	Hà Văn Thành		1960	x		Khu Thống Nhất 2	Mường
5	Đinh Văn Hoa		1964	x		Khu Thống Nhất 4	Mường
6	Nguyễn Văn Anh		1977	x		Khu Hang Đùng 1	Mường
7	Hoàng Văn Thịnh		1957	x		Khu Hang Đùng 2	Mường
8	Nguyễn Văn Nam		1957		x	Khu Hang Đùng 3	Mường
9	Phùng Minh Phú		1952	x		Thụn Đá Bàn 1	Mường
10	Đinh Ngọc Cường		1957	x		Khu Đá Bàn 2	Mường
11	Hà Thị Dụng		1963		x	Khu Tân Thành 3	Mường
12	Hà Thị Phán		1957		x	Khu Tân Thành 4	Mường
13	Đinh Văn Vượng		1954	x		Khu Thống Nhất 1	Mường
14	Đinh Công Nhân		1969	x		Khu Tân Thành 2	Mường
15	Đinh Văn Đô		1957	x		Khu 13	Mường
16	Trần Ngọc Thế		1965	x		Khu Quang Tiến 1	Mường
17	Hà Ngọc Luyện		1981	x		Khu Tân Thành 1	Mường
14	Xã Ngọc Đồng	10					
1	Trần Minh Quế		1945	x		Khu 1	Mường
2	Đinh Văn Thâm		1942	x		Khu 2	Mường
3	Đỗ Kim Sơn		1952	x		Khu 3	Kinh
4	Bùi Vũ Hạ		1960	x		Khu 4	Mường
5	Đinh Văn Lý		1938	x		Khu 5	Mường
6	Nguyễn Văn Tới		1935	x		Khu 6	Mường
7	Hoàng Thị Thìn		1952		x	Khu 7	Mường
8	Đinh Văn Chuyển		1959	x		Khu 8	Mường
9	Ngọc Thị Hưng		1954		x	Khu 10	Mường
10	Nguyễn Xuân Thích		1947	x		Khu 11	Kinh
15	Xã Minh Hòa	9					
1	Man Văn Đường		1938	x		Khu Sinh Tiến	Mường
2	Đinh Công Đặc		1931	x		Khu Quyết Tiến	Mường
3	Đinh Văn Quỳnh		1953	x		Khu Minh Tiến	Mường
4	Phạm Sơn Lâm		1949	x		Khu Minh Đức	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
5	Hà Văn Chính		1938	x		Khu Đức Xuân	Mường
6	Đỗ Văn Xuân		1933	x		Khu Hồng Quang	Mường
7	Nguyễn Văn Ninh		1958	x		nt	Mường
8	Nguyễn Văn Yên		1941	x		Khu Tân Hòa	Mường
9	Đinh Chí Hùng		1935	x		Khu Hạ Hòa	Mường
16	Xã Đồng Lạc	13					
1	Nguyễn Văn Thanh		1940	x		Khu Đồng Trờ	Kinh
2	Nguyễn Duy Nông		1956	x		Khu Phú Động	Mường
3	Hà Thị Xuân		1962		x	Khu Đồng Mạ	Mường
4	Lý Đình Thu		1936	x		Khu Minh Tiến	Kinh
5	Chu Văn Nho		1965	x		Khu Dân Chủ	Kinh
6	Nguyễn Chí Cường		1955	x		Khu Dân Thanh	Mường
7	Trần Thị Lý		1974		x	Khu Đồng Thanh	Mường
8	Nguyễn Ngọc Xuân		1939	x		Khu Liên Hiệp	Mường
9	Nguyễn Thị Mai		1962		x	Khu Đồng Khanh	Kinh
10	Nguyễn Xuân Khoản		1944	x		Khu Thắng Lợi	Mường
11	Hoàng Tiến Hoàn		1950	x		Khu Minh Tân	Kinh
12	Đỗ Long Lương		1954	x		Khu Thi Đua	Mường
13	Hà Ngọc Nam		1955	x		Khu Minh Phúc	Mường
17	Thị Trấn	9					
1	Sa Đình Tinh		1935	x		Khu Trung Ngãi 5	Mường
2	Nguyễn Thị Chuyên		1958		x	Khu Trung Ngãi 6	Mường
3	Hoàng Văn Hiệp		1971	x		Khu Đồng Cạn 8	Mường
4	Hoàng Đức Hạc		1950	x		Khu Đình	Mường
5	Nguyễn Tiến Dũng		1985	x		Khu Chùa 11	Mường
6	Đinh Thị Nam		1959		x	Khu Chùa 12	Mường
7	Nguyễn Xuân Tự		1944	x		Khu Mơ 13	Mường
8	Nguyễn Xuân Cầu		1968	x		Khu Mơ 14	Mường
9	Nguyễn Xuân Tài		1958	x		Khu Mít 15	Mường
IV	Tân Sơn	176					
I	Xã Tam Thanh	7					
1	Đinh Công Lai		1953	x		Khu Tàng	Mường
2	Lê Công Hoan		1952	x		Khu Múc	Mường
3	Hà Ngọc Dậu		1957	x		Khu Ẽn	Mường
4	Trần Kim Anh		1957	x		Khu Giát	Kinh
5	Hà Văn Định		1960	x		Khu Váo	Mường
6	Hà Hữu Quyền		1952	x		Khu Chiêu	Mường
7	Đinh Công Tuy		1957	x		Khu Vai	Mường
2	Xã Long Cốc	8					
1	Trần Công Hưng		1933	x		Xóm Nhội	Mường
2	Hà Văn Tinh		1928	x		Xóm cạn	Mường
3	Hà Mạnh Tường		1960	x		Xóm Măng 1	Mường
4	Hà Hồng Đà		1958	x		Xóm Măng 2	Mường
5	Phùng Văn Thanh		1949	x		Xóm Bông 1	Mường
6	Hà Minh Đô		1957	x		Xóm Bông 2	Mường
7	Hà Văn Chi		1960	x		Xóm Đái	Mường
8	Hà Hồng Lâm		1942	x		Xóm Bông 3	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
3	Xã Xuân Sơn	4					
1	Hà Tuấn Lực		1932	x		Xóm Lạng	Mường
2	Đặng Văn Liềm		1954	x		Xóm Dù	Dao
3	Hà Vương Sắc		1957	x		Xóm Lấp	Mường
4	Đặng Thế Toàn		1954	x		Xóm Cỏi	Dao
4	Xã Minh Đài	6					
1	Đinh Viết Phàn		1942	x		Tân Thụ	Mường
2	Đinh Viết Thắng		1941	x		Tân Trào	Mường
3	Hà Văn Huỳnh		1951	x		Tân Lập	Mường
4	Sa Đình Trường		1944			Bến đáng	Mường
5	Đinh Thị Hoan		1951		x	Bông Lau	Mường
6	Đinh Hoà Bình		1952	x		Vinh Quang	Mường
5	Xã Thạch Kiệt	11					
1	Đinh Đình Khanh		1957	x		Dàn Dục	Mường
2	Dương Kim Phiến		1980	x		Khu Lóng 2	Mường
3	Phùng Thanh Chính		1949	x		Cường Thịnh 2	Mường
4	Nguyễn Văn Nhụ		1942	x		Bình Thọ 1	Mường
5	Hà Tiến Linh		1951	x		Bình Thọ 2	Mường
6	Đinh Xuân Đăng		1944	x		Khu Chiềng	Mường
7	Hoàng Văn Liếc		1958	x		Khu Dừng 1	Mường
8	Hà Đình Cho		1957	x		Khu Dừng 2	Mường
9	Hà Tiến Sơn		1952	x		Khu Dật	Mường
10	Phùng Sinh Quyền		1965	x		Khu Lóng 1	Dao
11	Phùng Văn Nguyên		1976	x		Minh Nga	Dao
6	Xã Thu Ngạc	15					
1	Hà Viết Nhân		1933	x		Cọ Sơn 2	Mường
2	Hà Văn Kim		1937	x		Cọ Sơn 1	Mường
3	Phùng Minh Tứ		1941	x		Mang Thượng	Mường
4	Hà Cường Ngô		1933	x		Đèo Mương 1	Mường
5	Phùng Đức Khang		1942	x		Đèo Mương 2	Mường
6	Hoàng Trọng Nọt		1949	x		Tân Ve	Mường
7	Nguyễn Văn Táo		1951	x		Khu Còn 1	Mường
8	Trần Hợp		1947	x		Liên Minh	Mường
9	Hạ Thị Khoảnh		1966		x	Tân An	Mường
10	Phùng Minh Phú		1950	x		Nà Nôm	Mường
11	Phùng Minh Tuấn		1963	x		Khu Côm	Mường
12	Nguyễn Văn Theng		1955	x		Khu Còn 2	Mường
13	Hà Đức Danh		1952	x		Phai Vả	Mường
14	Nguyễn Thanh Tú		1949	x		Mang Hạ	Mường
15	Hà Minh Lực		1944	x		Khu Sải	Mường
7	Xã Vinh Tiên	8					
1	Triệu Văn Vinh		1959	x		Đồng Khoai	Dao
2	Đặng Văn Liềm		1943	x		Đồng Thi	Dao
3	Lê Tiến Minh		1945	x		Mặn Gạo	Dao
4	Đặng Hồng Cương		1950	x		Khu Bương	Dao
5	Hà Xuân Lại		1937	x		Đồng Giang	Mường
6	Lương Trung Đình		1959	x		Khu Sặt	Dao

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
7	Lê Văn Lan		1962	x		Khu Lèn	Dao
8	Lý Kim Khải		1952	x		Khu Cham	Dao
8	Xã Đồng Sơn	8					
1	Hà Xuân Nhính		1956	x		Khu Xuân 1	Mường
2	Lý Văn Thanh		1944	x		Bến Thân	Dao
3	Hà Thanh Nhung		1954	x		Khu Mít 1	Mường
4	Lý Văn Xuân		1960	x		Xóm Mới	Dao
5	Hà Đức Kiêm		1956	x		Khu Măng 2	Mường
6	Hà Công Vững		1957	x		Khu Măng 1	Mường
7	Hà Xuân Phong		1947	x		Khu Mít 2	Mường
8	Đinh Công Lưỡng		1958	x		Khu Xuân 2	Mường
9	Xã Tân Sơn	8					
1	Hà Văn Tiên		1953	x		Khu Hoà	Mường
2	Hà Thanh Lĩnh		1948	x		Khu Sân	Mường
3	Hà Thanh Lợi		1951	x		Khu Thờ 1	Mường
4	Hà Đức Nhính		1948	x		Khu Thờ 2	Mường
5	Hà Xuân Đăng		1962	x		Khu Thính	Mường
6	Hà Xuân Đội		1956	x		Khu Lèn	Mường
7	Hà Liên Thanh		1951	x		Khu Bương	Mường
8	Hà Thanh Dũng		1950	x		Khu Hoạt	Mường
10	Xã Lai Đồng	9					
1	Đinh Văn Nghiê		1952	x		Khu Chiềng 1	Mường
2	Đinh Thi Phong Cầm		1946		x	Khu Chiềng 2	Mường
3	Hà Hồng Thanh		1949	x		Khu Vường 1	Mường
4	Phùng Tiên Đề		1945	x		Khu Vường 2	Mường
5	Phùng Đức Phên		1931	x		Khu Phất 1	Mường
6	Hà Hồng Đình		1948	x		Khu Phất 2	Mường
7	Đinh Bình Nhượng		1947	x		Khu Đồng	Mường
8	Hà Thanh Vàng		1943	x		Khu Đoàn	Mường
9	Phùng Xuân Đăng		1950	x		Khu Kết	Mường
11	Xã Kim Thượng	13					
1	Đặng Văn Vinh		1964	x		Tân Ong	Dao
2	Đặng Bích Hoan		1947	x		Hạ Bằng	Dao
3	Bàn Văn Long		1948	x		Khu Xoan	Dao
4	Phùng Đức Trục		1944	x		Khu Quyền 1	Mường
5	Phùng Đình Từ		1942	x		Khu Quyền 2	Mường
6	Hà Xuân En		1940	x		Khu Xuân 1	Mường
7	Hà Thanh Tung		1955	x		Khu Xuân 2	Mường
8	Đặng Văn Hòa		1960	x		Tân Hồi	Dao
9	Hà Xuân Khởi		1937	x		Khu Chiềng 1	Mường
10	Hà Xuân Sý		1945	x		Khu Chiềng 2	Mường
11	Hà Tiến Thắng		1946	x		Khu Chiềng 3	Mường
12	Hoàng Đình Thi		1947	x		Khu Nhàng	Mường
13	Phùng Nghiệp Dư		1946	x		Tân Lập	Mường
12	Xã Tân Phú	11					
1	Đinh Công Đón		1959	x		Khu 1	Mường
2	Hoàng Xuân Viết		1939	x		Khu 2A	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
3	Hà Thị Lan		1947	x	x	Khu 2B	Mường
4	Hà Văn Mười		1962	x		Khu 3	Mường
5	Hà Xuân Đồng		1952	x		Khu 4	Mường
6	Hà Hải Yến		1955	x		Khu 5a	Mường
7	Hà Ngọc Dành		1945	x		Khu 6	Mường
8	Hà Văn Phân		1958	x		Khu 8	Mường
9	Hà Văn Mỹ		1945	x		Khu 9	Mường
10	Phùng Ngọc Đa		1936	x		Khu 10	Mường
11	Phùng Xuân Đồng		1952	x		Khu 5b	Mường
13	Xã Kiệt Sơn	10					
1	Đặng Đức Tăng		1966	x		Khu 2	Mường
2	Hà Xuân Hiêm		1946	x		Khu 4	Mường
3	Hà Đức Chung		1936	x		Khu 5	Mường
4	Hà Thị Linh		1966		x	Khu 6	Mường
5	Hà Văn Quang		1964	x		Khu 7	Mường
6	Hà Văn Võ		1951	x		Khu 8	Mường
7	Hà Thanh Tú		1941	x		Khu 9	Mường
8	Nguyễn Văn Thuất		1958	x		Khu 10	Kinh
9	Hà Thanh Núi		1949	x		Khu 11	Mường
10	Hà Minh Luyện		1965	x		Khu 12	Mường
14	Xã Mỹ Thuận	12					
1	Bùi Xuân Đại		1958	x		Khu Lục	Mường
2	Hà Thị Thanh		1952		x	Khu Mu vồ	Mường
3	Đinh Công Uẩn		1947	x		Khu Chiềng	Mường
4	Hà Đức Danh		1940	x		Khu Đường 1	Mường
5	Hà Xuân Hương		1935	x		Khu Chóc	Mường
6	Hoàng Thanh Tu		1946	x		Khu Mịn 2	Mường
7	Hoàng Đức Niên		1940	x		Khu Cú	Mường
8	Hoàng Đại Nhau		1952	x		Khu Chung	Mường
9	Hà Ngọc Chúc		1942	x		Khu Thuận	Mường
10	Hoàng Minh Chấn		1946	x		Khu Mìn 1	Mường
11	Bùi Văn Ly		1964	x		Khu Đường 2	Mường
12	Phùng Văn Hiến		1950	x		Khu Bình	Mường
15	Xã Thu Cúc	20					
1	Sùng A Vang		1959	x		Mỹ á	H'Mông
2	Hoàng Minh Đức		1943	x		Đồng Tăng	Mường
3	Hà Minh Đức		1962	x		Liên Chung	Mường
4	Phùng Văn Đền		1958	x		Xóm Quế	Mường
5	Hoàng Tuấn Minh		1954	x		Xóm Ú	Mường
6	Triệu Hữu Lượng		1944	x		Tân Lập	Dao
7	Đặng Văn Phấn		1960	x		Suối Dáy	Dao
8	Hoàng Văn Dục		1955	x		Khu Giác 1	Mường
9	Phùng Văn Hình		1959	x		Ngả Hai	Mường
10	Hà Kim Thạch		1963	x		Xóm Bận	Mường
11	Hà Văn Mây		1954	x		Khu Giác 2	Mường
12	Hà Văn Nhường		1974	x		Khu Giác 3	Mường
13	Hà Tiến Doanh		1963	x		Trung Tâm 1	Kinh

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
14	Hà Đức Phong		1940	x		Tiến Minh	Mường
15	Hà Thị Ngoan		1967		x	Suối Rượu	Mường
16	Vũ Đức Yên		1966	x		Trung Tâm 2	Kinh
17	Hà Thanh Mai		1947	x		Khu Chiềng 2	Mường
18	Hoàng Văn Minh		1972	x		Đồng Tô	Mường
19	Hà Hồng Nhĩ		1960	x		Khu Chiềng 1	Mường
20	Hà Mạnh Khiêm		1945	x		Xóm Cón	Mường
16	Xã Xuân Đài	14					
1	Phùng Đình Chung		1945	x		Xóm Vượng	Mường
2	Hà Văn Loa		1950	x		Xóm Dụ	Mường
3	Hà Xuân Liễu		1957	x		Xóm Ai	Mường
4	Hà Thị Toa		1965		x	Xóm Mười	Mường
5	Trần Đình Bích		1962	x		Đồng Cả	Mường
6	Hà Văn Khanh		1958	x		Xóm Mu	Mường
7	Phùng Thị Khuyến		1966		x	Xóm Căng	Mường
8	Phùng Văn Uyển		1959	x		Xóm Địa	Mường
9	Phùng Văn Mão		1954	x		Xóm Nâu	Mường
10	Trần Thị Lý		1965		x	Bãi Muối	Mường
11	Dương Kim Húng		1983	x		Suối Bòng	Dao
12	Trần Văn Thanh		1969	x		Đồng Dò	Mường
13	Đình Công Lánh		1946	x		Xóm Thang	Mường
14	Bàn Văn Xiên		1940	x		Đồng Tào	Dao
17	Xã Văn Luông	12					
1	Hà Xuân Quê		1955	x		Khu Láng	Mường
2	Hà Minh Thời		1959	x		Khu Trảng	Mường
3	Hà Cheo		1948	x		Khu Luông	Mường
4	Phùng Văn Kệt		1958	x		Dòng Bông	Mường
5	Phùng Văn Việt		1950	x		Đồng Tún	Mường
6	Hà Trọng Canh		1939	x		Khu Mảnh	Mường
7	Hà Minh Nấp		1952	x		Khu Văn Tân	Mường
8	Hà Xuân Điền		1959	x		Đồng Hẹ	Mường
9	Hà Minh Cầm		1942	x		Khu Lối	Mường
10	Hà Ngọc Lan		1935	x		Khu Mơn	Mường
11	Hà Thị Lánh		1943		x	Khu Đép	Mường
12	Hà Văn Can		1954	x		Đồng Gạo	Mường
V	Thanh Sơn	216					
1	Xã Sơn Hùng	1					
1	Hà Ngọc Ninh		1962	x		Khu Ngọc Sơn 1	Mường
2	Xã Tinh Nhuệ	5					
1	Đà Giang Thá		1947	x		Xóm Viêt	Mường
2	Đình Thị Bính		1961		x	Xóm Mới	Mường
3	Đà Ngọc Báu		1949	x		Xóm Láng Mái	Mường
4	Nguyễn Hy Vọng		1955	x		Xóm Sính	Mường
5	Nguyễn Viêt Chiên		1938	x		Xóm Tân	Mường
3	Xã Lương Nha	9					
1	Nguyễn Văn Tuyên		1955	x		Lạc Song	Mường
2	Phan Bá Bình		1974	x		Đồi Bông	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
3	Nguyễn Minh phương		1986	x		Bãi	Mường
4	Mai Thế Nhân		1962	x		Đồi	Mường
5	Trần Văn Côi		1954	x		Vũ	Mường
6	Nguyễn Văn Hoan		1965	x		Liêm	Mường
7	Đinh Văn Thu		1966	x		Trại	Mường
8	Mai Xuân Cử		1961	x		Lờ	Mường
9	Trần Viết Thơm		1959	x		Thín	Mường
4	Xã Thạch Khoán	9					
1	Nguyễn Phúc Nội		1960	x		Đồng Phú	Mường
2	Nguyễn Thị Thịnh		1949		x	Đồng Bung	Mường
3	Đinh Văn Vinh		1950	x		Chiềng	Mường
4	Nguyễn Văn Chí		1933	x		Nội	Mường
5	Đặng Văn Canh		1930	x		Đình	Mường
6	Hà Văn Diện		1935	x		Cầu	Mường
7	Nguyễn Văn Kính		1940	x		Tiền Phong	Mường
8	Hà Văn Minh		1943	x		Đồng Bản	Mường
9	Phùng Văn Bát		1949	x		Đồng Lương	Mường
5	Xã Tân Minh	8					
1	Đinh Hồng Cương		1954	x		Đồng Giao	Mường
2	Hà Thị Bích Mạnh		1957		x	Dón	Mường
3	Ngọc Văn Danh		1967	x		Mang Bão	Mường
4	Bùi Đình Tạ		1949	x		Gần	Mường
5	Hoàng Văn Than		1933	x		Nhân Thượng	Mường
6	Hà Văn Lệ		1947	x		Gò Vồ	Mường
7	Hà Quang Cự		1935	x		Nhân Hạ	Mường
8	Phùng Duy Thiết		1952	x		Đầm Mười	Mường
6	Xã Tất Thắng	15					
1	Đinh Thọ San		1963	x		Thôn Mường Trê	Mường
2	Đinh Thế Hinh		1947	x		Thôn Độc Cừ	Mường
3	Đinh Bằng Dụng		1946	x		Thôn Đình	Mường
4	Đinh Hữu Hoàng		1967	x		Thôn Đồn	Mường
5	Đinh Thị Thêm		1952		x	Thôn Cẩm	Mường
6	Đinh Bằng Đà		1947	x		Thôn Bãi	Mường
7	Đinh Văn Minh		1958	x		Thôn Khang	Mường
8	Đinh Xuân Lành		1961	x		Thôn Mới	Mường
9	Đinh Văn Sử		1942	x		Thôn Xui	Mường
10	Đinh Công Sơn		1945	x		Thôn Tế	Mường
11	Đinh Văn Thanh		1955	x		Thôn Đồng Chôm	Mường
12	Đinh Như Huỳnh		1952	x		Thôn Xem Ngoài	Mường
13	Đinh Thị Bình		1959		x	Thôn Xem Trong	Mường
14	Đinh Đức Thọ		1975	x		Thôn Độc Tế	Mường
15	Nguyễn Ngọc Phán		1943	x		Thôn Ấp	Kinh
7	Xã Hương Cầm	16					
1	Bùi Văn Khẩn		1947	x		Đồng Sạng	Mường
2	Đinh Văn Tiên		1940	x		Khu Cháu	Mường
3	Đinh Mạnh Thắng		1974	x		Khu Kẹm	Mường
4	Phùng Thị Lập		1936	x	x	Khu Quán	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
5	Đinh Văn Vàng		1956	x		Đồng Đa	Mường
6	Đinh Minh Đoàn		1983	x		Khu Hem	Mường
7	Phùng Thị Lãm		1949	x	x	Nội Xén	Mường
8	Đinh Văn Viện		1957	x		Khu Lèo	Mường
9	Triệu Thị Tuyết		1973		x	Đá Cạn	Dao
10	Đinh Văn Nhân		1932	x		Khoang	Mường
11	Phùng Đức Hòa		1951	x		Khu Đồn	Mường
12	Đinh Lương Xiêm		1947	x		Khu Ong	Mường
13	Phùng Ngọc Kiểm		1952	x		Khu Trại	Mường
14	Đinh Xuân Cường		1956	x		Tân Hương	Mường
15	Phùng Văn Dọn		1937	x		Khu Lich I	Mường
16	Đinh Văn Cầm		1934	x		Khu Lich II	Mường
8	Xã Văn Miếu	12					
1	Hà Xuân Lành		1952	x		Liêm	Mường
2	Hà Mạnh Toàn		1947	x		Kén	Mường
3	Lê Văn Dung		1955	x		Cát	Mường
4	Hà Văn Tập		1942	x		Mật 1	Mường
5	Hà Văn Cồ		1953	x		Mật 2	Mường
6	Đinh Công Mừng		1947	x		Dẹ 1	Mường
7	Hà Văn Dũng		1965	x		Dẹ 2	Mường
8	Hà Mạnh Thắng		1954	x		Trống	Mường
9	Phùng Văn Ban		1962	x		Trầu	Mường
10	Hà Hữu Mọt		1948	x		Xè 1	Mường
11	Hà Ngọc Canh		1960	x		Xè 2	Mường
12	Triệu Văn Quang		1966	x		Thành Công	Dao
9	Xã Đông Cừ	14					
1	Lê Văn Hiến		1937	x		Xóm Hạ Thành	Dao
2	Đinh Công Mỹ		1941	x		Xóm Vừn	Mường
3	Đinh Văn Sửu		1957	x		Xóm Dấu	Mường
4	Đinh Văn Nguyên		1953	x		Xóm Cốc	Mường
5	Vũ Hồng Kinh		1950	x		Xóm Bái	Mường
6	Hà Văn Thàng		1938	x		Xóm Nhồi	Mường
7	Vũ Hồng Phiến		1965	x		Xóm Cạn	Mường
8	Hà Văn Khoa		1936	x		Xóm Mu 2	Mường
9	Đinh Trọng Tóc		1954	x		Xóm Mu 1	Mường
10	Hà Hồng Quân		1952	x		Xóm Dọc	Mường
11	Trần Văn Xanh		1960	x		Xóm Quét	Mường
12	Hà Minh Tự		1961	x		Xóm Bư	Mường
13	Trần Văn Dương		1942	x		Xóm Muồng	Mường
14	Hà Văn Thọ		1947	x		Xóm Bầu	Mường
10	Xã Thượng Cừ	10					
1	Hà Văn Ân		1943	x		Khu Tu Chạn	Mường
2	Hà Văn Lai		1960	x		Khu Chúa	Mường
3	Hà Văn Hải		1958	x		Khu Mu	Mường
4	Hà Quang Tuất		1955	x		Khu Cáp	Mường
5	Hà Văn Thắng		1953	x		Khu Cây	Mường
6	Đinh Thị Mực		1938	x		Khu Chanh	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
7	Đình Văn Khuyển		1952	x		Khu Vĩ	Mường
8	Đặng Văn Thận		1937	x		Khu Sinh Tàn	Dao
9	Hà Văn Châu		1952	x		Khu Lải Cháu	Mường
10	Hà Văn Nghĩa		1966	x		Khu Mặc	Mường
11	Xã Thắng Sơn	6					
1	Đình Thị Thơm		1946		x	Đồng Dầm	Mường
2	Phan Đình Huỳnh		1944	x		Đồng Cốc	Kinh
3	Nguyễn Quốc Gia		1949	x		Giai Thượng	Mường
4	Đình Thị Tân		1963		x	Đá Bia	Mường
5	Đình Hồng Tâm		1954	x		Giếng Ông	Mường
6	Hà Tô Học		1956	x		Đa Ngệ	Mường
12	Xã Yên Lương	11					
1	Đình Thị Chanh		1953		x	Khu 1	Mường
2	Đình Văn Kị		1949	x		Khu 2	Mường
3	Đình Văn Hòa		1945	x		Khu 3	Mường
4	Nguyễn Văn Nguyên		1951	x		Khu 4	Mường
5	Đình Văn Con		1942	x		Khu 5	Mường
6	Đình Ngọc Lê		1934	x		Khu 6	Mường
7	Đình Hồng My		1951	x		Khu 7	Mường
8	Đình Lương Đạo		1954	x		Khu 8	Mường
9	Đình Văn Thuyết		1957	x		Khu Quất	Mường
10	Lê Văn Lưu		1933	x		Khu Bò Xò	Dao
11	Lê Văn Cheng		1947	x		Khu Náy	Dao
13	Xã Thục Luyện	7					
1	Phạm Đình Trọng		1929	x		Giáp Chung	Mường
2	Hà Quang Chính		1926	x		Đồng Xị	Mường
3	Đình Văn Tiếp		1954	x		Bình Dân	Mường
4	Đình Thị Hà		1968		x	Khu 15	Mường
5	Đình Hải Bằng		1942	x		Bến Đình	Mường
6	Đình Trọng Căn		1929	x		Đồng Lão	Mường
7	Đình Thị Bạ		1951		x	Đồng Cỏ	Mường
14	Xã Dịch Quả	13					
1	Triệu Tiến Châu		1953	x		Quyết Tiến	Dao
2	Hà Thị Thêm		1954		x	Chát	Mường
3	Hoàng Công Chí		1962	x		Chiềng	Mường
4	Nguyễn Đình Ngu		1940	x		Lóng	Mường
5	Đình Thị Hòa		1953		x	Lùm	Mường
6	Hà Văn Thống		1966	x		Gò Giữa	Mường
7	Đình Trọng Phàn		1942	x		Muôi	Mường
8	Hà Văn Phụng		1951	x		Giếng Bèo	Mường
9	Đình Thị Phương		1960		x	Khóa	Mường
10	Nguyễn Trường Sơn		1952	x		Đồng Mè	Mường
11	Hà Xuân Kỳ		1948	x		Ao Vèn	Mường
12	Đình Văn Thống		1958	x		Đình	Mường
13	Hà Văn Tân		1951	x		Ruộng Mơ	Mường
15	Xã Tân Lập	9					
1	Đình Văn Mậu		1937	x		Nưa Thượng	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
2	Đinh Văn Hợp		1937	x		Nưa Hạ	Mường
3	Đinh Sinh Hội		1937	x		Châm 1	Mường
4	Ngọc Văn Gia		1952	x		Mít 1	Mường
5	Đinh Trọng Điểm		1941	x		Châm 2	Mường
6	Đinh Xuân Hoa		1957	x		Mít 2	Mường
7	Đinh Quốc Bản		1950	x		Mặn	Mường
8	Bùi Văn Tin		1949	x		Chùng	Mường
9	Lý Văn Liễu		1947	x		Hạ Thành	Dao
16	Xã Khả Cửu	16					
1	Hà Hồng Triệu		1950	x		Rét	Mường
2	Đinh Văn Tiến		1962	x		Vạch	Mường
3	Hà Văn Minh		1960	x		Câu	Mường
4	Đinh Văn Thơm		1954	x		Bương	Mường
5	Đinh Văn Hùng		1972	x		Măng	Mường
6	Đinh Công Lan		1958	x		Bãi Lau	Mường
7	Hà Văn Nhân		1944	x		Sinh Dưới	Mường
8	Hà Văn Vụ		1963	x		Tầm	Mường
9	Đinh Văn Lực		1967	x		Chăng	Mường
10	Trần Văn Nhất		1966	x		Mu	Mường
11	Hà Văn Kiềm		1939	x		Ngán	Mường
12	Đinh Văn Thành		1966	x		Chùa	Mường
13	Hà Xuân Đăng		1964	x		Hấm	Mường
14	Đinh Văn Đỗ		1950	x		Chuôi	Mường
15	Hà Văn Định		1937	x		Sinh Trên	Mường
16	Hà Văn Bang		1963	x		Lạn	Mường
17	Xã Yên Lãng	7					
1	Đinh Xuân Kỳ		1960	x		Xóm Pheo	Mường
2	Đinh Công Dũng		1975	x		Trung Thịnh	Mường
3	Đinh Văn Hiếm		1946	x		Đông Vượng	Mường
4	Đinh Viết Sơn		1937	x		Đông Thịnh	Mường
5	Đinh Văn Quát		1950	x		Gò Đa	Mường
6	Đinh Xuân Sông		1934	x		Khu Đanh	Mường
7	Đinh Văn Phúc		1955	x		Khu Né	Mường
18	Xã Yên Sơn	10					
1	Đặng Văn Sông		1948	x		Xóm Hồ	Dao
2	Đặng Văn Xiền		1947	x		Xóm Chen	Dao
3	Dương Trung Sơn		1944	x		Xóm Hạ Sơn	Dao
4	Đinh Hữu Tình		1954	x		Xóm Lau	Mường
5	Đinh Ngọc Trại		1948	x		Xóm Trại Yên	Mường
6	Đinh Thanh Diện		1935	x		Xóm Von Mỏ	Mường
7	Đinh Vũ Thuật		1955	x		Xóm Kết Bình	Mường
8	Lê Văn Duẩn		1942	x		Xóm Chự	Dao
9	Đinh Hồng Hải		1963	x		Xóm Liên Chung	Mường
10	Phan Thanh Sơn		1949	x		Xóm Mổ	Mường
19	Xã Giáp Lai	6					
1	Nguyễn Văn Thông		1956	x		Khu 1	Mường
2	Nguyễn Văn Gia		1962	x		Khu 2	Mường

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Nơi cư trú (Xóm, thôn, bản)	Dân tộc
				Nam	Nữ		
3	Nguyễn Văn Quả		1947	x		Khu 3	Mường
4	Nguyễn Văn Chấn		1931	x		Khu 4	Mường
5	Nguyễn Văn Diện		1957	x		Khu 5	Mường
6	Nguyễn Văn Chức		1927	x		Khu 6	Mường
20	Xã Võ Miếu	14					
1	Hà Minh Khang		1936	x		Xóm Bành	Mường
2	Hà Mạnh Hoà		1948	x		Sang Trên	Mường
3	Hà Quang Nguyên		1961	x		Bản 1	Mường
4	Phạm Văn Thịnh		1936	x		Tân Bình	Mường
5	Hà Văn Căng		1949	x		Bản 2	Mường
6	Triệu Văn Liễu		1933	x		Liên Thành	Dao
7	Hà Văn My		1944	x		Vùng	Mường
8	Hà Văn Bàn		1960	x		Do	Mường
9	Hà Tiến Đình		1930	x		Cốc	Mường
10	Hà Trọng Tự		1943	x		Sang Dưới	Mường
11	Hà Văn Phần		1949	x		Trại	Mường
12	Đinh Trung Hưng		1957	x		Vắng	Mường
13	Phùng Văn Hành		1950	x		Xóm Mạ	Mường
14	Hà Văn Tiến		1945	x		Rĩa 1	Mường
21	Xã Cự Thắng	10					
1	Đinh Xuân Trường		1948	x		Khu 1	Mường
2	Đinh Khắc Hiếu		1965	x		Khu 2	Mường
3	Đinh Văn Quán		1963	x		Khu 3	Mường
4	Trần Đức Dân		1938	x		Khu 13	Mường
5	Đinh Xuân Thủy		1943	x		Khu 7	Mường
6	Đinh Hồng Lạc		1939	x		Khu 9	Mường
7	Đinh Văn Sỹ		1954	x		Khu 11	Mường
8	Đinh Xuân Qui		1937	x		Khu 10	Mường
9	Lý Kim Lịch		1933	x		Khu Xuân Thắng	Dao
10	Đinh Tiến Lực		1962	x		Khu 6	Mường
22	Xã Cự Đồng	8					
1	Hoàng Đức Huệ		1944	x		Minh Khai	Mường
2	Đinh Tiến Sinh		1953	x		Quyết Tiến	Mường
3	Đinh Kim Thận		1940	x		Kim Thịnh	Mường
4	Nguyễn Thị Ngộ		1943		x	Liên Đồng	Mường
5	Đinh Xuân Ngộ		1951	x		Đồng Cại	Mường
6	Hoàng Viết Khải		1950	x		Đồng Nghĩa	Mường
7	Đinh Thị Lịch		1948		x	Đồn	Mường
8	Đinh Viết Nghị		1950	x		Chón	Mường